

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2023/HS-
PT

Ngày 28/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 186/2023/TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo Huỳnh Anh T, Võ Minh L, Huỳnh Hữu X. Do có kháng cáo của bị cáo Huỳnh Anh T, Võ Minh L, Huỳnh Hữu X đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2023/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Huỳnh Anh T, sinh năm 1997 tại Tây Ninh; Tên gọi khác: K; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Tạm trú: Nhà văn hóa Á, xã P, huyện G, Tây Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông Huỳnh Tấn Q, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1968; Vợ, con: Chưa có; Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không có; Tạm giữ, tạm giam: Không có; Bị cáo tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Võ Minh L, sinh năm 1979 tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Võ Văn L2, sinh năm 1948 và bà Lê Thị C, sinh năm: 1955; Vợ tên: Trương Thị Thu H, sinh năm 1978; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự:

Không có; Tạm giữ, tạm giam: Không có; Bị cáo tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Huỳnh Hữu X, sinh năm 1990 Đồng Tháp; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông Huỳnh Hữu M, sinh năm 1967 và bà Đoàn Thị M1, sinh năm: 1963; Vợ tên: Trần Hồng T1, sinh năm 1994; Con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2021 con nhỏ nhất sinh năm 2023; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không có; Bị cáo tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S

Địa chỉ: Số D N, khu phố G, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp ông Nông Văn Q1, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phạm Thanh T2, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Anh T, Võ Minh L, Huỳnh Hữu X là công nhân của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S (Công ty S) tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Khoảng 17 giờ ngày 27/9/2022 bị cáo T, L và X được Công ty điều động sáng ngày 28/9/2022 T điều khiển xe ô tô tải biển số 51D-262.75 chở L, X đến tỉnh Bến Tre để nhận hàng hóa chở về cho Công ty S. T nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của Công ty S bán lấy tiền tiêu xài nên T rủ L cùng trộm thì L đồng ý.

Khoảng 06 giờ ngày 28/9/2022 L vào Công ty S rủ thêm X cùng lấy trộm tài sản thì X đồng ý. L đến nhà kho số 2 của Công ty S dùng tay kéo 03 chiếc máy mô tơ điện ra khỏi vách nhà kho rồi L điều khiển xe nâng xúc bao ni long chứa giấy, lấy 03 chiếc máy mô tơ điện, 01 khối sắt cho vào bao giấy vụn. L tiếp tục điều khiển xe nâng đến nhà kho số 5 lấy rổ nhựa màu xanh hình chữ nhật chứa các thanh bu lông cho vào bao, T điều khiển xe nâng, nâng các tài sản trộm được đưa lên thùng xe tải biển số 51D-262.75, cả 03 bị cáo T, L, X cùng nhau kéo bao chứa các tài sản trên vào thùng xe. Bị cáo T điều khiển xe ô tô tải chở bị cáo L, bị cáo X đi Bến Tre. Trên đường đi cả ba dừng lại tại vựa phế liệu không có tên tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do anh Phạm

Thanh T2, sinh năm 1986 ngụ cùng địa chỉ làm chủ để bán các tài sản đã lấy trộm của Công ty S. Khi đó, bị cáo T2, L, X cùng khiêng bao chứa các tài sản lấy trộm từ xe ô tô tải xuống để cân bán cho anh T2 được số tiền là 2.220.000 đồng. Sau đó, bị cáo L giữ tiền, T2, L, X tiếp tục đi Bến Tre lấy hàng hóa cho Công ty S. Trên đường đi các bị cáo ăn, uống còn lại số tiền 1.800.000 đồng, bị cáo L chia cho L, T2, X mỗi người 600.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ ngày 28/9/2022, các bị cáo về đến Công ty S thì bị lực lượng Công an mời làm việc.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Huỳnh Anh T, Võ Minh L, Huỳnh Hữu X đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng do anh Phạm Thanh T3 chủ cơ sở vừa phê liệu giao nộp gồm: một máy mô tơ màu xanh đã qua sử dụng, có chữ RATTING; một máy mô tơ màu xanh ngọc đã qua sử dụng, có chữ MAXEI; một máy mô tơ màu xám đã qua sử dụng, có chữ TATUNG; một khối sắt hình trụ tròn đã hoen gỉ, một rổ nhựa màu xanh hình chữ nhật bên trong có chứa thanh bu lông; một bao nilong bên trong chứa nhiều giấy vụn.

Tại Biên bản và kết luận định giá tài sản số: 32/BB-HĐĐTTHS ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận:

- 01 (một) máy mô tơ màu xanh đã qua sử dụng, có chữ RATTING có trọng lượng 21kg trị giá: 766.666 đồng.

- 01 (một) máy mô tơ màu xanh ngọc đã qua sử dụng, có chữ MAXEI có trọng lượng 21,8 kg trị giá 616.666 đồng.

- 01 (một) máy mô tơ màu xám đã qua sử dụng, có chữ TATUNG có trọng lượng 42,2 kg trị giá 1.466.666 đồng.

- 01 (một) khối sắt hình trụ tròn đã hoen gỉ, có trọng lượng 31 kg có trị giá 155.000 đồng.

- 01 (một) rổ nhựa màu xanh hình chữ nhật bên trong có chứa các thanh bu lông có tổng trọng lượng 78,5kg trị giá 384.000 đồng.

- 01 (một) bao nilong bên trong chứa nhiều giấy vụn có trọng lượng 68 kg trị giá 174.533 đồng.

Tổng cộng (làm tròn): 3.564.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, ngày 17/01/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại các đồ vật có đặc điểm nêu trên cho Công ty S và Công ty S không yêu cầu gì thêm, các bị cáo T3, L, X đã giao nộp số tiền 1.800.000 đồng từ việc bán các đồ vật lấy trộm của Công ty S. Ngày 13/02/2023 bị cáo Huỳnh Hữu X đã tự nguyện giao nộp thêm số tiền 420.000 đồng cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả. Anh Phạm Thanh T2 yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 2.220.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Huỳnh Anh T, Võ Minh L và Nguyễn Hữu X1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2023/HS-ST ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Anh T.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Minh L.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 54; của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Hữu X.

1. Tuyên bố các bị cáo **Huỳnh Anh T (K), Võ Minh L, Huỳnh Hữu X** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Huỳnh Anh T (K) 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Bị cáo Võ Minh L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Bị cáo Huỳnh Hữu X 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho anh Phạm Thanh T2 số tiền 2.220.000 đồng.

(Hiện số tiền trên do Chi cục thi hành án huyện Cao Lãnh đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/3/2023).

4. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Buộc Huỳnh Anh T, Võ Minh L, Huỳnh Hữu X mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Ngày 07/6/2023, bị cáo Võ Minh L có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho hưởng án treo.

- Ngày 07/6/2023, bị cáo Huỳnh Hữu X có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho hưởng án treo.

- Ngày 15/6/2023, bị cáo Huỳnh Anh T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho hưởng án treo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo T, bị cáo L, bị cáo X giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm nhẹ hình phạt.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn

cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên xét thấy các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm nhẹ hình phạt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Qua thẩm tra tại phiên tòa, các bị cáo T, bị cáo L, bị cáo X đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định:

Vào khoảng 06 giờ ngày 28/9/2022 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu (Công ty S) nên đã lén lút trộm cắp một máy mô tơ màu xanh đã qua sử dụng, có chữ RATTING; một máy mô tơ màu xanh ngọc đã qua sử dụng, có chữ MAXEI; một máy mô tơ màu xám đã qua sử dụng, có chữ TATUNG; một khối sắt hình trụ tròn đã hoen gỉ, một rổ nhựa màu xanh hình chữ nhật bên trong có chứa các thanh bu lông; một bao nilong bên trong chứa nhiều giấy vụn. Với tổng giá trị tài sản là 3.564.000 đồng.

Các bị cáo có đưa ra nguyên nhân là Công ty S chậm trả lương nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài nhưng việc này không phù hợp với pháp luật nên không chấp nhận.

Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Với những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Huỳnh Anh T, Võ Minh L, Huỳnh Hữu X về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng.

Tại khoản 1 Điều 173 B Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

... ”

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Các bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì động cơ muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành. Về nhận thức các bị cáo biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự câu kết, bàn bạc, phân công vai trò, nhiệm vụ trong việc thực hiện hành vi phạm tội nhưng các bị cáo đã thống nhất ý chí với nhau, cùng nhau thực hiện hành vi phạm trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cho cá nhân.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại một cách trái pháp luật, gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đưa các bị cáo ra xét xử và áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo T có các tình tiết: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo T đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo T có cha là ông Huỳnh Tân Q được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo L có các tình tiết: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân bị tai nạn giao thông nghiêm trọng, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo L cung cấp 01 Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ là tình tiết mới nhưng xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và mức hình phạt 06 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nên không có cơ sở để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

- Bị cáo X có các tình tiết: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đại diện của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo X đã tự nguyện nộp thêm 420.000 đồng khắc phục hậu quả theo điểm b, i, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự xét xử dưới khung hình phạt.

Do đó xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng hình phạt đối với các bị cáo là đảm bảo đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của các bị cáo T, L, X.

Các bị cáo T, L, X phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Anh T, Võ Minh L, Huỳnh Hữu X về việc xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho được hưởng án treo.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

- Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Anh T (K), Võ Minh L, Huỳnh Hữu X phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Anh T.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Anh T (K) 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Minh L.

Xử phạt: Bị cáo Võ Minh L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 54; của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Hữu X.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Hữu X 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Buộc bị cáo Huỳnh Anh T, Võ Minh L, Huỳnh Hữu X mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tối cao (Vụ 1);
- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CCTHA-DS huyện Cao Lãnh;
- Cơ quan CS điều tra huyện Cao Lãnh;
- Cơ quan THAHS huyện Cao Lãnh;
- Sở tư pháp;
- Cơ quan CS điều tra CA tỉnh ĐT;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh ĐT;
- Các bị cáo, đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thông